**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÓC MÔN**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thanh
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: 38/2B ấp X2, xã X, huyện H, TP.HCM.

*2. Bị đơn:* Anh Đinh Thanh Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: 38/2B ấp X2, xã X, huyện H, TP.HCM.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/3/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N đăng ký kết hôn với anh Đinh Thanh Q tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Tp.HCM vào ngày 04/4/2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 23/Quyển số 01/2006). Sau khi kết hôn được một thời gian, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp, mặt khác chị N đi làm ăn xa nhà nên giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông và thường phát sinh mâu thuẫn. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn là anh Q xúc phạm, dùng những lời lẽ thiếu tôn trọng và đuổi vợ ra khỏi nhà. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ đầu năm 2018 chị N ra ngoài sống ly thân anh Q. Trong thời gian vợ chồng không sống chung, để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị N thường xuyên về nhà chăm sóc chồng con và nhiều lần khuyên anh Q sửa đổi tính tình nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, giữa chị N và anh Q vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, hiện nay tình cảm vợ chồng

không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau và không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 19/11/2002. Hiện nay cháu H đang sống chung với anh Q. Nếu ly hôn chị N đồng ý giao trẻ H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đinh Thanh Q nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn Đinh Thanh Q hiện đang cư trú trên địa bàn huyện H, vì vậy Tòa án nhân dân huyện H, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Đinh Thanh Q (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Thanh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Tp.HCM vào ngày 04/4/2006, do vậy hôn nhân của chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh Q nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Xét thấy giữa chị N và anh Q có mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Phía chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với anh Q. Phía anh Q mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: chị N và anh Q có 01 con chung là cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 19/11/2002. Nếu ly hôn chị N đồng ý giao trẻ H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu H đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không có ý kiến gì đối với việc trực tiếp nuôi con. Hơn nữa tại Bản tự khai ngày 09/7/2018 cháu H có nguyện vọng được sống chung với ba, vì vậy việc giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng chính đáng của con. Do vậy, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc chị N đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Xét thấy phía chị N không trực tiếp nuôi con và đang có công ăn việc làm ổn định, việc chị N đề nghị đóng góp số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, khám bệnh, chữa bệnh và những nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của cháu H là có cơ sở. Phía anh Q không có ý kiến yêu cầu gì đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chị N không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi trẻ H mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Thanh Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đinh Quốc H, sinh ngày 19/11/2002 cho anh Đinh Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1.Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị N đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0018114 ngày 10/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

4.2. Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKDND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã X, H.HM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Thanh**